

Số: 51/2020/TT-BTC

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ

Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Quản lý tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật dự trữ quốc gia và Nghị định số 128/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung danh mục chi tiết hàng dự trữ quốc gia và phân công cơ quan quản lý hàng dự trữ quốc gia ban hành kèm theo Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật đấu thầu;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về quy trình xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia xuất cấp không thu tiền để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, cứu đói, phục vụ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và các nhiệm vụ đột xuất bức thiết khác của Nhà nước (sau đây gọi chung là xuất cấp hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ) và quản lý, sử dụng

kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xuất cấp, giao nhận, phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo cho công tác xuất cấp, giao nhận hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

QUY TRÌNH XUẤT CẤP, GIAO NHẬN, PHÂN PHỐI, SỬ DỤNG HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA ĐỂ CỨU TRỢ, HỖ TRỢ, VIỆN TRỢ

Điều 3. Trình tự và hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xuất cấp hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ

1. Thủ trưởng bộ, ngành quản lý lĩnh vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có văn bản báo cáo và đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định xuất hàng dự trữ quốc gia để phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, cứu đói và thực hiện các nhiệm vụ đột xuất bức thiết khác của Nhà nước; đồng thời gửi văn bản về bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia được Chính phủ phân công quản lý các mặt hàng đề nghị xuất cấp.

Báo cáo nêu rõ tình hình thiệt hại, nhu cầu cần thiết và căn cứ tính toán đề xuất số lượng hàng dự trữ quốc gia cần xuất cấp để cứu trợ, hỗ trợ cho các bộ, ngành, địa phương; Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc công bố dịch bệnh xảy ra tại địa phương (nếu có).

Đối với các mặt hàng dự trữ quốc gia phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an báo cáo và đề nghị Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tài chính để thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

2. Tối đa 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý lĩnh vực, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kèm đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan; bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm rà soát, kiểm tra, tổng hợp số lượng, giá trị, mặt hàng dự trữ quốc gia cần cứu trợ, hỗ trợ báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tài chính (kèm theo hồ sơ gồm: Văn bản báo cáo của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý lĩnh vực, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và căn cứ tính toán chi tiết nhu cầu xuất cấp) để thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

3. Tối đa 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia cùng đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan kèm

theo, Bộ Tài chính có trách nhiệm thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định xuất cấp hàng dự trữ quốc gia.

4. Tổng cục Dự trữ Nhà nước là cơ quan tham mưu, giúp Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan trong việc thẩm định, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định xuất cấp hàng dự trữ quốc gia.

Nội dung thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xuất cấp hàng dự trữ quốc gia, bao gồm:

- Phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của dự trữ quốc gia và các nhiệm vụ được nhà nước giao;
- Khả năng đáp ứng (mức tồn kho) của dự trữ quốc gia đối với các mặt hàng đề nghị xuất cấp;
- Phù hợp về trình tự, văn bản, hồ sơ kèm theo đối với đề nghị xuất cấp của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý lĩnh vực, của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Phù hợp với định mức xuất cấp hàng dự trữ quốc gia (nếu có).

5. Trong tình huống đột xuất, cấp bách theo quy định tại khoản 8, Điều 4 của Luật Dự trữ quốc gia Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định xuất cấp ngay hàng dự trữ quốc gia có giá trị tương ứng với thẩm quyền quyết định chi ngân sách của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Luật Ngân sách nhà nước. Báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thông báo cho Bộ Tài chính trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày quyết định xuất cấp hàng dự trữ quốc gia và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Trường hợp giá trị từng loại mặt hàng dự trữ quốc gia vượt quá thẩm quyền quyết định chi ngân sách của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại Luật Ngân sách Nhà nước; Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 4. Trách nhiệm của bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia và của Tổng cục Dự trữ Nhà nước trong việc xuất cấp, giao hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ

1. Căn cứ quyết định xuất cấp hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ của Thủ tướng Chính phủ hoặc người được ủy quyền.

a) Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia ban hành quyết định giao nhiệm vụ cho đơn vị dự trữ quốc gia, doanh nghiệp được thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia thực hiện nhiệm vụ xuất cấp hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và tổ chức kiểm tra, giám sát các đơn vị dự trữ quốc gia, doanh nghiệp được thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia trong quá trình thực hiện xuất cấp, giao hàng.

b) Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước ban hành quyết định giao nhiệm vụ cho các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực thực hiện nhiệm vụ xuất cấp hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ và tổ chức kiểm tra, giám sát các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực trong quá trình thực hiện xuất cấp, giao hàng.

c) Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia khi ban hành quyết định xuất hàng dự trữ quốc gia phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ, thông báo cho Bộ Tài chính trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định xuất hàng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình; đồng thời gửi cho bộ, ngành quản lý lĩnh vực hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được nhận hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ phối hợp thực hiện.

2. Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước ký kết Biên bản thỏa thuận về việc giao nhận hàng dự trữ quốc gia và tổ chức Lễ giao tượng trưng hàng dự trữ quốc gia với Đại sứ các nước nhận viện trợ tại Việt Nam trong trường hợp xuất hàng dự trữ quốc gia để viện trợ quốc tế.

Biên bản thỏa thuận với Đại sứ các nước về việc giao nhận hàng dự trữ quốc gia để viện trợ bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Tên, địa chỉ đơn vị xuất hàng.
- b) Số lượng, chất lượng hàng dự trữ quốc gia xuất viện trợ.
- c) Hạn sử dụng của hàng dự trữ quốc gia (nếu có).
- d) Quy cách, bao bì đóng gói và mẫu markets in trên bao bì đóng gói.
- đ) Địa điểm giao hàng tại nước nhận viện trợ.
- e) Phương thức vận chuyển; tên phương tiện vận chuyển (nếu có).
- g) Đơn vị và người đại diện nhận hàng của nước nhận viện trợ.
- h) Thời gian, tiến độ thực hiện và trách nhiệm của các bên liên quan.
- i) Các nội dung khác có liên quan.

Điều 5. Trách nhiệm của bộ, ngành quản lý lĩnh vực, của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tiếp nhận, phân phối hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ

1. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định xuất cấp hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ của Thủ tướng Chính phủ hoặc người được ủy quyền; Thủ trưởng bộ, ngành quản lý lĩnh vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được nhận hàng dự trữ quốc gia phải ban hành quyết định phân bổ hàng dự trữ quốc gia và giao nhiệm vụ cho các đơn vị, tổ chức tiếp nhận hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ; đồng thời gửi quyết định này cho các đơn vị dự trữ quốc gia, doanh nghiệp được thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia trực tiếp xuất và giao hàng để phối hợp thực hiện. Nội dung quyết định phải ghi

rõ tên đơn vị, tổ chức tiếp nhận hàng, tên mặt hàng, số lượng hàng và thời gian nhận hàng.

Đối với việc xuất cấp các mặt hàng có thời gian thực hiện dài (trên 60 ngày), Thủ trưởng bộ, ngành quản lý lĩnh vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế để ban hành quyết định phân bổ hàng dự trữ quốc gia và giao nhiệm vụ cho các đơn vị, tổ chức tiếp nhận hàng dự trữ quốc gia cho phù hợp.

2. Chỉ đạo các đơn vị, tổ chức được giao nhiệm vụ khẩn trương tiếp nhận, phân phối kịp thời hàng dự trữ quốc gia đến đúng đối tượng sử dụng; đồng thời tổ chức công tác kiểm tra, giám sát việc phân phối, sử dụng hàng dự trữ quốc gia được cứu trợ, hỗ trợ.

3. Trong trường hợp không nhận hết số hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, hỗ trợ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc người được ủy quyền, Thủ trưởng bộ, ngành quản lý lĩnh vực, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải kịp thời có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hoàn trả lại chỉ tiêu xuất cấp, đồng thời gửi Bộ Tài chính và bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia để theo dõi, phối hợp thực hiện.

Điều 6. Nhiệm vụ của đơn vị dự trữ quốc gia, doanh nghiệp được thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia trong việc xuất cấp, giao hàng

Thủ trưởng đơn vị dự trữ quốc gia, doanh nghiệp được thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia căn cứ quyết định giao nhiệm vụ xuất cấp hàng của Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia hoặc của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước (đối với các Cục Dự trữ Nhà nước khu vực) triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Kiểm tra danh mục hàng hóa, chủng loại, quy cách, số lượng, chất lượng hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ và hồ sơ tài liệu kỹ thuật (nếu có).

2. Bố trí nhân lực, phương tiện để kiểm tra, giám sát, bốc xếp hàng tại các điểm kho xuất hàng và phương tiện vận chuyển (nếu có).

3. Tổ chức giao hàng đến địa điểm quy định.

a) Hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ, viện trợ phải được bảo quản an toàn trong quá trình vận chuyển, giao cho đơn vị, tổ chức tiếp nhận kịp thời, thuận tiện, đúng thời gian, đúng chủng loại, đủ số lượng, đảm bảo về chất lượng.

b) Hàng dự trữ quốc gia xuất để cứu trợ, hỗ trợ là lương thực, giống cây trồng, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc phòng, chống dịch bệnh cho người, hóa chất khử khuẩn, khử trùng xử lý nguồn nước..., các đơn vị dự trữ quốc gia, doanh nghiệp được thuê bảo quản hàng dự trữ quốc gia tổ chức xuất cấp, vận chuyển, giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên giao hàng tại trung tâm các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được cấp hàng cứu trợ, hỗ trợ; hoặc giao hàng trên phương tiện vận chuyển của bên nhận hàng tại cửa